

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 73/2019/HNGĐ-ST
Ngày 18-11-2019
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Hồng Nhiếp;

Ông Trần Như Học.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 09 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị Nh (tên gọi khác: Đỗ Thị Nh), sinh năm 1982 (có mặt).

Nơi cư trú: Ấp L, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Sơn Hoàng G, sinh năm 1980 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp C, xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 09 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Nh trình bày yêu cầu:**

- Về hôn nhân: Bà Nh và ông G có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2000, hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau vào năm 2009.

Lý do xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến năm 2007 bà Nh và ông G phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan trọng cuộc sống, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên bà Nh và ông G sống ly thân từ năm

2010 đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nh yêu cầu ly hôn với ông Sơn Hoàng G.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại Bản tự khai ghi ngày 15 tháng 11 năm 2019, bà Nh cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do ông G thường đi nhậu về đánh đập bà nhiều lần, gia đình cha mẹ hai bên có khuyên can nhưng ông G chỉ hứa chứ không thay đổi được tính tình.

* *Đối với bị đơn ông Sơn Hoàng G:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông G không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Nh yêu cầu ly hôn, về tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông G vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do.

* *Tại phiên tòa:*

Bà Đỗ Thị Nh Bảo lưu quan điểm nêu trên, ngoài ra không có yêu cầu gì thêm.

Ông Sơn Hoàng G vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Bà Đỗ Thị Nh yêu cầu ly hôn với ông Sơn Hoàng G, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Xét tranh chấp giữa bà Nh và ông G là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Đỗ Thị Nh có đơn đề nghị vắng mặt phiên hòa giải, xét xử đề ngày 15/11/2019 vì bận làm ăn ở xa, không có điều kiện tham gia phiên xét xử của Tòa án, yêu cầu này của bà Nh là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với ông Sơn Hoàng G đã được Tòa án thông báo hợp lệ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên xét xử sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Sơn Hoàng G.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Nh và ông Sơn Hoàng G có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2000, hôn nhân có lập thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau vào ngày 09 tháng 06 năm 2009, giấy chứng nhận kết hôn số 70, quyển số 01. Vì

vậy quan hệ hôn nhân của bà Đỗ Thị Nh và ông Sơn Hoàng G được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà Nh và ông G phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông G thường hay đi nhậu về đánh đập bà Nh nhiều lần. Bà Nh và ông G sống ly thân từ năm 2010 đến nay, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nh yêu cầu ly hôn với ông Sơn Hoàng G. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến nay, ông G không có thiện chí hàn gắn hôn nhân với bà Nh, bởi lẽ Tòa án có tổ chức các phiên hòa giải nhưng ông G không đến để hàn gắn hôn nhân, mặt khác bà Nh và ông G có thời gian ly thân kéo dài, giữa hai đương sự vẫn không khắc phục được mâu thuẫn, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa bà Nh và ông G đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Nh đối với ông Sơn Hoàng G theo quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và công nợ: Đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự "*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*", do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Đỗ Thị Nh phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nh được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, Điều 220, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đỗ Thị Nh (Đỗ Thị Nh) và ông Sơn Hoàng G.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà Đỗ Thị Nh phải chịu 300.000 đồng, bà Nh được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006873 ngày 13 tháng 09 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

5 Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền